

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Ông Nguyễn Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 273/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 393/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Ấp B, xã C, huyện N, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Ấp B, xã C, huyện N, tỉnh B (có mặt).

3. *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp B, xã C, huyện N, tỉnh B.

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị D và anh M quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh B, được cấp giấy chứng nhận ngày 04/4/2011. Thành hôn xong vợ chồng sống tại ấp b, xã C, huyện N, tỉnh B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung, đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không

tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh M có những hành vi thiếu chuẩn mực em dâu của chị D và thường xuyên ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên đã có nhiều cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ cách nay khoảng 05 tháng. Vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D xin ly hôn với anh M. Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị D và anh M có hai con chung là Nguyễn D, sinh ngày 30/10/2010 và Nguyễn D T, sinh ngày 07/9/2016, hai con đang sống chung với chị D từ khi chị D và anh M ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi hai con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh M thống nhất với lời trình bày của chị D về điều kiện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có một lần anh M ghen tuông do thấy chị D đi làm ngồi trò chuyện gần người khác giới, khi mâu thuẫn xảy ra thì chị D yêu cầu ly hôn, anh M cũng đồng ý và yêu cầu chị D nộp đơn nhưng sau đó vợ chồng đã hàn gắn tình cảm. Ngoài ra vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn nào khác. Không có sự việc anh M có hành vi thiếu chuẩn mực với em dâu của chị D như chị trình bày, anh M chỉ dùng đá chọi hù em dâu của chị D chứ không có hành vi nào khác. Anh M không đồng ý ly hôn với chị D, anh M xác định vẫn còn tình cảm với chị D, mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc các con. Anh M hứa sẽ khắc phục triệt để những nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn mà anh M trình bày. Nếu chị D kiên quyết ly hôn với anh M thì về con chung, anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn D, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, anh M đồng ý để chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn D T, anh M không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa người làm chứng Nguyễn Văn H trình bày: Anh H là em ruột của chị D. Anh H xác định anh M có hành vi không chuẩn mực với vợ anh H, khi hành vi này xảy ra thì anh H có yêu cầu công an xã giải quyết, công an xã có mời anh M lên làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82,

83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, cụ thể: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D được quyền nuôi hai con chung là Nguyễn D, sinh ngày 30/10/2010 và Nguyễn D T, sinh ngày 07/9/2016, anh Nguyễn Văn M không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Văn M thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Nguyễn Văn M có nơi cư trú tại xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội D tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn M tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Chị D cho rằng hôn nhân giữa chị và anh M không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh M. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh M có những hành vi thiếu chuẩn mực với người khác giới, anh M thường xuyên ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên đã có nhiều cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ cách nay khoảng 05 tháng. Vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Anh M trình bày giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh M có ghe tuông nhưng khi mâu thuẫn này xảy ra thì vợ chồng đã hàn gắn tình cảm được. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh M đều trình bày không đồng ý ly hôn với chị D. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D và anh M là có thật, khi mâu thuẫn xảy ra thì anh chị đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành, dẫn đến vợ chồng sống ly thân không thể đoàn tụ được; anh không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ; tại phiên tòa chị D vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh M, không mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh M đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh M là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị D và anh M có hai con chung là Nguyễn D, sinh ngày 30/10/2010 và Nguyễn D T, sinh ngày 07/9/2016. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai chung khi ly hôn. Anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn D; anh M đồng ý để chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn D Thái. Khi được Tòa án hỏi ý kiến thì cháu Nguyễn D và Nguyễn D T cùng có nguyện vọng được sống cùng nhau và sống cùng với chị D khi chị D và anh M ly hôn. Chị D cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng hai con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Nguyễn D và Nguyễn D T cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, giao hai con chung là Nguyễn D và Nguyễn D T cho chị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi hai con chung nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung: Chị D và anh M trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Chị D và anh M trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Do chị D là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn D, sinh ngày 30/10/2010 và Nguyễn D T, sinh ngày 07/9/2016 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không

trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn M hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn M có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị D và anh M trình bày không có nợ chung, không có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0002111 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- UBND xã Cẩm Sơn ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(3b) TC:9b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

